

**TÒA PHÚC THẨM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 134/2025/DS-PT

Ngày 29/9/2025

*Về “Tranh chấp về quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt.”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Đặng Kim Nhân

*Các Thẩm phán:* ông Đinh Phước Hòa, bà Võ Thị Ngọc Dung

**- Thư ký phiên tòa:** bà Đặng Ngọc Gia Linh.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLPT-DS ngày 11/7/2025 về “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 622/2025/QĐ-PT ngày 12/9/2025, giữa:

*Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị X (Nguyễn Thị H)**, sinh năm 1955; địa chỉ: **số D B, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là số D B, phường C, thành phố Đà Nẵng)**, do ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1973; địa chỉ: **Tổ D, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là tổ D, phường T, thành phố Đà Nẵng)** đại diện theo ủy quyền, ông **S** có mặt.

*Bị đơn:*

1. ông **Nguyễn T1**, sinh năm 1959; địa chỉ: **Tổ A, thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là tổ A, thôn B, phường Đ, thành phố Đà Nẵng)**, vắng mặt. *Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T1* theo Giấy ủy quyền lập ngày 05/8/2025 tại **Văn phòng C** (địa chỉ: **A T, phường H, thành phố Đà Nẵng**) là ông **Nguyễn Văn B** (địa chỉ: **D T, phường T, thành phố Đà Nẵng**). Ông **Nguyễn Văn B** vắng mặt, nhưng gửi Đơn đề nghị ghi ngày 26/9/2025, nội dung “*Đề nghị hoãn phiên tòa mở lúc 07 giờ 30 ngày 29/9/2025 để chờ Chánh tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng giải quyết khiếu nại của ông B cho rằng Chánh tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng thay đổi người tiến hành tố tụng không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.*”

*Nếu HĐXX cho rằng không có cơ sở để hoãn phiên tòa thì HĐXX xét xử vắng mặt ông B, xét xử theo đơn kháng cáo của ông Nguyễn T1”.*

2. bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1963 (vợ ông Nguyễn T1); cùng địa chỉ với ông T1: Tổ A, thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là tổ A, thôn B, phường Đ, thành phố Đà Nẵng), vắng mặt, nhưng gửi Đơn đề nghị ngày 29/9/2025 có nội dung tương tự Đơn đề nghị ngày 26/9/2025 của ông B (“*Nếu HĐXX cho rằng không có cơ sở để hoãn phiên tòa thì HĐXX xét xử vắng mặt bà H1*”).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (kế thừa là Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: B H; phường Đ, thành phố Đà Nẵng, vắng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

2. anh Nguyễn Đức H2, sinh năm 1985, vắng;

3. anh Nguyễn Đức S1, sinh năm 1990, vắng;

4. anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1992, vắng;

5. chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997, vắng;

Anh H2, anh S1, anh N, chị H là con ông Nguyễn T2 và bà Nguyễn Thị H1 cùng địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là tổ A, thôn B, phường Đ, thành phố Đà Nẵng) vắng, nhưng gửi Đơn đề nghị ghi ngày 29/9/2025 có nội dung tương tự Đơn đề nghị ghi ngày 26/9/2025 của ông B (“*Nếu HĐXX cho rằng không có cơ sở để hoãn phiên tòa thì HĐXX xét xử vắng mặt các anh, chị*”).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và đại diện theo uỷ quyền của bà X trình bày:*

Cha mẹ bà X là cụ Nguyễn L (tên gọi khác Nguyễn Đức H3, chết năm 1964) và cụ Nguyễn Thị H4 (chết năm 1992) sống tại thôn B, T, xã Đ, huyện (nay là thị xã) Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, hai Cụ có 02 người con là bà Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1943) và bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1955).

Năm 1964, sau khi cha và chị gái chết, bà X cùng mẹ tản cư ra H ở nhà ông Mục T3 cùng với gia đình em trai cụ Nguyễn L là cụ Nguyễn Đức T4 (chú ruột bà X) tại tổ A, thôn B, xã Đ, huyện (nay là thị xã) Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Sau giải phóng, bà X và mẹ khai hoang tạo lập một thửa đất bên cạnh thửa đất có nhà của cụ T4 để làm nhà ở và sinh sống, đồng thời kê khai đăng ký đất theo Chỉ thị 299/TTg. Năm 1981, bà X lấy chồng và sinh sống tại Đà Nẵng, mẹ bà X (cụ H4) tổ chức đám cưới cho bà X tại căn nhà 03 gian mà bà X cùng cụ H4 xây dựng, có họ hàng nội ngoại cùng bà con làng xóm tham dự. Năm 1988, cụ H4 bị bệnh nên có những khoảng thời gian cụ H4 phải ra Đà Nẵng chữa bệnh và đến năm 1992 cụ H4 chết.

Do hoàn cảnh công việc và gia đình, bà X không thường xuyên về quê trông coi nhà đất và chưa có điều kiện làm thủ tục thừa kế nhà đất cụ H4 để lại nên con cụ T4 là vợ chồng ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị H1 tự ý sang tên

thửa đất, thay đổi hiện trạng, xây dựng nhà cửa trên thửa đất của cụ H4, nhưng vì nghĩ vợ chồng ông T1 chỉ trông coi giúp nhà đất nên bà X chưa có ý kiến.

Năm 2021, bà X về quê lấy lại nhà đất thì mới biết ông Nguyễn T1 và vợ Nguyễn Thị H1 đã kê khai gian dối để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có nhà của cụ H4. Ông T1 kê khai nguồn gốc đất xin cấp giấy chứng nhận là đất ông T1 xin năm 1984, đến năm 1985, Hợp tác xã 1 cấp đất cho ông T1 làm nhà và đã ông T1 đăng ký theo hồ sơ 64/CP. Ngày 10/7/2000, vợ chồng ông T1 được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.420m<sup>2</sup>. Thực tế cụ H4 liên tục sinh sống trên đất đến khi chết năm 1992 (trừ những khoảng thời gian ra Đà Nẵng chữa bệnh) nên việc ông T1 kê khai đất ông T1 được cấp năm 1984 là không đúng sự thật. Ngày 30/5/2022, bà X đã làm đơn khiếu nại và được UBND xã Đ tiến hành hoà giải 02 lần, nhưng không thành nên nay bà X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Nguyễn T1 và vợ bà Nguyễn Thị H1 trả lại quyền sử dụng thửa đất số 310, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.900m<sup>2</sup> cho bà X.

+ Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Đ cấp cho “Hộ Nguyễn Tươi” ngày 10/7/2000 đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.420m<sup>2</sup>.

\* Bị đơn ông Nguyễn T1 và vợ bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do vợ chồng ông T1 xin Hợp tác xã Đ cấp năm 1984, tháng 7/1985 vợ chồng ông T1 làm nhà và sống ổn định đến nay, không có tranh chấp. Vợ chồng ông T1 hàng năm đóng thuế đầy đủ và ngày 10/7/2000 được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup> nên nay bà X khởi kiện yêu cầu trả đất thì vợ chồng ông T1 không đồng ý.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị xã Đ trình bày tại Công văn số 2142/UBND ngày 09/8/2023 (bút lục 53) như sau: Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, ngày 06/10/1997 hộ Nguyễn T1 đã có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất gồm 11 thửa đất, trong đó có thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư, được UBND xã Đ ký xác nhận ngày 03/12/1997. Trên cơ sở đăng ký quyền sử dụng đất của hộ Nguyễn T1, ý kiến đề nghị của UBND xã Đ, UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “Hộ Nguyễn T1” đối với 11 thửa đất, trong đó có thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài là đúng quy định của pháp luật. Do đó căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 thì việc bà Nguyễn Thị X yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup> tại thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam đã được UBND huyện Đ cấp cho hộ Nguyễn T1 là không có cơ sở.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức S1 (con vợ chồng ông Nguyễn T1) trình bày: Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.420m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Tươi ngày 10/7/2000, gia đình gồm Nguyễn T1, Nguyễn Thị H1,

Nguyễn Đức H2, Nguyễn Đức S1 và Nguyễn Đức N cùng quản lý, sử dụng nên nay bà X khởi kiện thì gia đình anh S1 không đồng ý.

**\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm 16/2025/DS-ST ngày 08/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:**

*Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39 khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 115, 163 và 168 của Bộ luật Dân sự; các điều 3, 21 Luật Đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998; khoản 7,9 Điều 3, khoản 1,2,3 Điều 26, các điều 53, 99, 100 và 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy quyết định hành chính cá biệt” với bị đơn ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị H1.

Buộc ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị H1 trả lại diện tích 480m<sup>2</sup> đất nằm trong thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup> tại thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam đã được UBND huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất cho hộ Nguyễn Tươi ngày 10/7/2000 cho bà Nguyễn Thị X (có sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Nguyễn Thị X phải hoàn trả cho ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị H1 7.800.000 đồng (Bảy triệu, tám trăm ngàn đồng) giá trị các tài sản, vật kiến trúc và cây hiện có trên diện tích 480m<sup>2</sup> đất.

Các tài sản, vật kiến trúc, cây và hàng rào hiện có trên diện tích 480m<sup>2</sup> đất tại thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị X;

Hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND huyện Đ cấp cho hộ Nguyễn T1 ngày 10/7/2000 đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup> (có sơ đồ kèm theo bản án).

Đình chỉ giải quyết đối với diện tích 1.420m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup> tại thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam của bà Nguyễn Thị X.

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về án phí, chi phí tố tụng và tuyên bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 24/5/2025, ông Nguyễn T1 kháng cáo cho rằng đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt, chưa tổ chức hòa giải tại cơ sở, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án thiếu người tham gia tố tụng, khi Chánh án Tòa án cấp sơ thẩm chưa có quyết định thay đổi Hội Thẩm nhân dân, nhưng Hội thẩm chưa có tên trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử lại tham gia xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng; về nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 24/5/2025, anh Nguyễn Đức S1 kháng cáo; ngày 10/6/2025, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị H kháng cáo, nội dung kháng cáo tương tự nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Tươi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Toàn bộ người kháng cáo là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.
- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu ý kiến:
  - + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 3, toàn bộ những người kháng cáo (bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và đề nghị hoãn phiên tòa hoặc xét xử vắng mặt; xét đề nghị xin hoãn phiên tòa của những người kháng cáo là không có căn cứ nên đề nghị tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt những người kháng cáo.
  - + Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết nội dung vụ án có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### *Về tố tụng:*

- [1] Phiên tòa phúc thẩm đã mở nhiều lần:
  - Phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất mở ngày 05/8/2025:
    - + Nguyên đơn bà **X** vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của bà **X** có mặt;
    - + Bị đơn ông **Nguyễn T1** có mặt, bà **Nguyễn Thị H1** vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh **Nguyễn Đức H2**, anh **Nguyễn Đức S1**, anh **Nguyễn Đức N** và chị **Nguyễn Thị H** vắng mặt, **UBND phường Đ** đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời thông báo cho các đương sự phiên tòa phúc thẩm sẽ được mở lại tại cùng hội trường này vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 19/8/2025.
    - Phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai mở ngày 19/8/2025:
      - + Nguyên đơn bà **X** vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của bà **X** vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa;
      - + Bị đơn ông **Nguyễn T1** có mặt, bà **Nguyễn Thị H1** vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn T1** theo Giấy ủy quyền lập ngày 05/8/2025 tại **Văn phòng C** (địa chỉ: **A T, phường H, thành phố Đà Nẵng**) là ông **Nguyễn Văn B** (địa chỉ: **D T, phường T, thành phố Đà Nẵng**) có mặt, nhưng ông **B** đề nghị hoãn phiên tòa; đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa Phạm Tồn vì ban hành 2 Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm tuy khác ngày, nhưng cùng số 308/2025/QĐ-PT và 308A/2025/QĐ-PT; 2 Giấy triệu tập phiên tòa khác ngày, nhưng cùng số 308/GTT-PT (TB) và 308A/GTT-PT (TB); không gửi quyết

định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 308A/2025/QĐ-PT và Giấy triệu tập phiên tòa số 308A/GTT-PT (TB) cho anh **Nguyễn Đức H2** là vi phạm thủ tục tố tụng, đồng thời đề nghị Chánh Tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng giải quyết khiếu nại của ông **B** về vi phạm nêu trên của Thẩm phán **Phạm T5**; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị hoãn phiên tòa như đề nghị của ông **Nguyễn Văn B**,

Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hoãn phiên tòa.

- Phiên tòa phúc thẩm lần thứ ba mở hôm nay (ngày 29/9/2025):

+ Nguyên đơn bà **X** vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của bà **X** có mặt.

+ Bị đơn ông **Nguyễn T1** vắng mặt, bà **Nguyễn Thị H1** vắng mặt. Ông **Nguyễn Văn B** đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn T1** vắng mặt, nhưng gửi Đơn đề nghị ghi ngày 26/9/2025, nội dung “Đề nghị hoãn phiên tòa mở lúc 07 giờ 30 ngày 29/9/2025 với lý do chờ Chánh Tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng giải quyết khiếu nại của ông **B** cho rằng Chánh Tòa Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng thay đổi người tiến hành tố tụng (phân công Thẩm phán **Đặng Kim N1** làm chủ tọa phiên tòa, phân công Thẩm phán **Đình Phước H5** và Thẩm phán **Võ Thị Ngọc D** làm Thẩm phán thành viên), nhưng không ban hành Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng là không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vì thay đổi Thẩm phán nên theo quy định tại Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự thì phiên tòa ngày 29/9/2025 được coi là phiên tòa phúc thẩm mở lần đầu, nếu có người vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa, nếu HĐXX cho rằng không có cơ sở để hoãn phiên tòa thì HĐXX xét xử vắng mặt ông **B**, xét xử theo đơn kháng cáo của ông **Nguyễn T1**”; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có Đơn đề nghị ghi ngày 29/9/2025 đề nghị hoãn phiên tòa với lý do như đề nghị của ông **Nguyễn Văn B**.

Xét, phiên tòa phúc thẩm mở nhiều lần và đều triệu tập hợp lệ các đương sự, nhưng ông **B** và những người kháng cáo đều vắng mặt và đều đề nghị nếu HĐXX cho rằng không có cơ sở để hoãn phiên tòa thì xét xử vắng mặt những người kháng cáo theo đơn kháng cáo của họ; xét Chánh Tòa - Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã ký ban hành Lịch phiên tòa phân công thay đổi các Thẩm phán tiến hành tố tụng đã gửi cho ông **B** và các đương sự, ông **B** không khiếu nại đề nghị thay đổi Thẩm phán vì không vô tư, không khách quan nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vắng mặt những người kháng cáo.

[2] Bị đơn ông **Nguyễn T1** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Nguyễn Thị H1**, anh **Nguyễn Đức S1**, anh **Nguyễn Đức N** và chị **Nguyễn Thị H** kháng cáo cho rằng đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định cá biệt, chưa tổ chức hòa giải tại cơ sở, nhưng Tòa án lại thụ lý giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng, xét thấy hồ sơ vụ án có các biên bản thể hiện **UBND thị xã Đ** đã tiến hành làm việc với bà **X**, ông **T1** về nội dung tranh chấp quyền sử dụng đất nên nội dung kháng cáo này là không có cơ sở để được chấp nhận. Các nội dung kháng cáo khác cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

*Về nội dung vụ án:*

[3] Theo Trích đo bản đồ địa chính số 01-2025 do Văn phòng Đ1 đo vẽ ngày 28/3/2025 và Công văn số 2142/UBND ngày 09/8/2023 của UBND thị xã Đ thì diện tích 480m<sup>2</sup> đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup> (đo thực tế 3.029,4m<sup>2</sup>) tại thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “hộ Nguyễn T1” ngày 10/7/2000.

[4] Tại Biên bản làm việc ngày 18/8/2022, UBND xã Đ diện tích đất tranh chấp cụ Nguyễn Thị H4 (mẹ đẻ bà Nguyễn Thị X) kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 310, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.900m<sup>2</sup>, loại đất (T); khi kê khai đăng ký theo Nghị định 64/CP thì ông Nguyễn T1 kê khai tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.420m<sup>2</sup>, loại đất (T) và UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Nguyễn Tươi ngày 10/7/2000. Như vậy, thời điểm ông Nguyễn T1 kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 94 nêu trên, các cơ quan chức năng không tiến hành khảo sát, thẩm tra thực trạng tình hình sử dụng đất của các hộ gia đình có liên quan diện tích 1.900m<sup>2</sup> đất mà cụ Nguyễn Thị H4 đã kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg; không giải quyết các tài sản (nhà) thuộc sở hữu của cụ H4 có trên diện tích 1.900m<sup>2</sup> đất và không tiến hành kiểm tra, xác minh ai là người khai hoang hoặc đang sử dụng diện tích 1.900m<sup>2</sup> đất nêu trên là không đúng qui định tại Điều 21 Luật Đất đai năm 1993.

[5] Từ [3] và [4] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup> (đo thực tế 3.029,4m<sup>2</sup>) tại thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam cho “hộ Nguyễn T1” ngày 10/7/2000 không đúng pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X buộc ông Nguyễn T1 và vợ bà Nguyễn Thị H1 trả lại bà X diện tích 480m<sup>2</sup> đất nằm trong thửa đất số 94 và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Đ cấp cho “hộ Nguyễn Tươi” ngày 10/7/2000 đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.420m<sup>2</sup> là có căn cứ, đúng pháp luật nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông T1 và các con của vợ chồng ông T1, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn T1, anh Nguyễn Đức S1, anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; riêng bà Nguyễn Thị H1 là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Đức S1, anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số

16/2025/DSST ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà **Nguyễn Thị H1** được miễn.

- Ông **Nguyễn T1** phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0000386 ngày 30/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**).

- Anh **Nguyễn Đức N** phải chịu án 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0000404 ngày 25/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**).

- Bà **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0000405 ngày 25/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**).

- Ông **Nguyễn Đức S1** phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền số 0000406 ngày 25/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành **án dân sự thành phố Đ**).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ II;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Kim Nhân**